

Quảng Yên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

*
Số 778 - QĐ/TU

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu biên chế, định biên, hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền năm 2024

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung Luật cán bộ, công chức, Luật Viên chức năm 2019;
- Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quyết định số 1248-QĐ/TU ngày 30/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về giao biên chế thuộc cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền năm 2024; Thông báo số 1089-TB/TU ngày 30/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao định biên cụ chiến binh và chỉ tiêu hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ năm 2024;
- Căn cứ Quy định số 1099-QĐ/TU ngày 29/6/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về “*Phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*”; Quy định số 705-QĐ/TU ngày 12/9/2023 của Thị ủy Quảng Yên về “*Phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*”;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Thị ủy (tại Tờ trình số 31-TTr/BTCTU ngày 29/12/2023),

BAN THƯỜNG VỤ THỊ ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu biên chế, định biên, hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền năm 2024 cụ thể như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là: 49 biên chế (45 công chức, 04 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước); 03 định biên cụ chiến binh; 06 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Chi tiết tại biểu Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền (bao gồm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân), đơn vị sự nghiệp công lập cụ thể như sau:

2.1. Các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền (bao gồm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân) là: 78 biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; 07 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Chi tiết tại biểu Phụ lục số 02 kèm theo).

2.2. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.938 người (1.771 người hưởng lương từ ngân sách; 167 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

(Chi tiết tại biểu Phụ lục số 04 kèm theo)

- Sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao: 22 người, trong đó: 20 người làm việc; 02 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

- Sự nghiệp khác: 41 người, trong đó: 20 người hưởng lương từ ngân sách; 14 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp; 05 hợp đồng lao động tỉnh giao; 02 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

- Sự nghiệp tự chủ về kinh phí hoạt động: 131 người, trong đó: 129 người làm việc; 02 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

- Sự nghiệp thị xã tạm thời sử dụng: 06 người làm việc.

(Chi tiết tại biểu Phụ lục số 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thị xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ được giao của khối chính quyền theo đúng quy định, tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế bảo đảm chỉ tiêu theo quy định gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Ban Tổ chức Thị ủy có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý và sử dụng biên chế được giao của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ủy ban nhân dân thị xã, Văn phòng Thị ủy, Ban Tổ chức Thị ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định triển khai, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VPTU, BTCTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Hồ Văn Vịnh

GIAO BIÊN CHẾ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ THỊ XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 178 - QĐ/TU ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy)

STT	Tên cơ quan	Giao biên chế năm 2024					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Công chức	Viên chức	Định biên	HD 111	
I	Khối Đảng	40	30	4	0	6	
1	Thường trực Thị ủy	2	2				
2	Văn phòng Thị ủy	13	7			6	
3	Ban Tổ chức Thị ủy	6	6				
4	Cơ quan UBKT Thị ủy	6	6				
5	Ban Tuyên giáo Thị ủy	5	5				
6	Ban Dân vận Thị ủy	4	4				
7	Trung tâm Chính trị thị xã	4		4			
II	Khối MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội thị xã	18	15	0	3	0	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã	3	3				
2	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thị xã	4	4				
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã	4	4				
4	Hội Nông dân thị xã	4	4				
5	Hội Cựu chiến binh thị xã	3			3		
Tổng cộng		58	45	4	3	6	

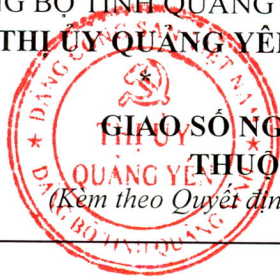
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH
THỊ ỦY QUẢNG YÊN

PHỤ LỤC SỐ 02

GIAO BIÊN CHẾ CHO CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 778 - QĐ/TU ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy)

TT	Tên cơ quan	Giao biên chế năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Công chức	Hợp đồng theo NĐ111	
1	Thường trực HĐND và UBND thị xã	5	5		
2	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	19	12	7	
3	Phòng Nội vụ thị xã	5	5		
4	Thanh tra thị xã	4	4		
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã	9	9		
6	Phòng Quản lý đô thị thị xã	6	6		
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã	6	6		
8	Phòng Kinh tế thị xã	9	9		
9	Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã	4	4		
10	Phòng Tư pháp thị xã	4	4		
11	Phòng Y tế thị xã	3	3		
12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã	6	6		
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	5	5		
Cộng		85	78	7	



**GIÁO SỔ NGƯỜI LÀM VIỆC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 788/QĐ/TU ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy)

STT			Tên cơ quan	Số người làm việc giao năm 2024					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				
					Số NLV hưởng lương từ NSNN	Số NLV hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ	Hợp đồng theo ND111	
	I	Biên chế được tỉnh giao	80	57	14	05	04		
		Sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao	22	20			02		
1	1	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	22	20			02		
		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	17	17					
2	2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã	17	17					
		Sự nghiệp khác	41	20	14	05	02		
3	1	Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp	13	11	02				
4	2	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	12		12				
5	3	Trung tâm Hành chính công	13	06		05	02		
6	4	Hội Chữ thập đỏ	03	03					
	II	Sự nghiệp tự chủ kinh phí hoạt động	131		129		02		
7	1	Trung tâm Phát triển quỹ đất	58		57		01		
8	2	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng	33		32		01		
9	3	Ban Quản lý Chợ Rừng	25		25				
10	4	Ban quản lý di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Bạch Đằng	15		15				
	III	Sự nghiệp thị xã tạm thời sử dụng	06	06					
11	1	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	06	06					
	Cộng		217	63	143	05	06		

**GIÁO SỔ LƯƠNG NGƯỜI LÀM VIỆC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2024
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Kèm theo Quyết định số 778 - QĐ/TU ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy)

STT	Đơn vị	Số lớp 2023-2024	Số người làm việc giao năm 2024						Ghi chú
			Tổng cộng	Số người làm việc hưởng lương NSNN				Số người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp	
				Tổng	CBQL	Giáo viên	Nhân viên		
1	THCS Trần Hưng Đạo	14	33	25	2	19	4	8	
2	THCS Lê Quý Đôn	17	38	29	2	23	4	9	
3	THCS Hiệp Hòa	18	40	40	2	35	3		
4	THCS Sông Khoai	13	31	31	2	25	4		
5	THCS Cộng Hòa	16	36	26	2	20	4	10	
6	THCS Đông Mai	14	33	24	2	18	4	9	
7	THCS Minh Thành	22	44	32	2	26	4	12	
8	THCS Tiền An	12	29	29	2	23	4		
10	THCS Hà An	14	33	23	2	17	4	10	
9	THCS Tân An	9	23	17	2	11	4	6	
11	THCS Nam Hòa	9	23	17	2	11	4	6	
12	THCS Yên Hải	10	25	18	2	12	4	7	
13	THCS Phong Cốc	12	29	22	2	16	4	7	
14	THCS Phong Hải	12	30	22	2	16	4	8	
15	THCS Liên Hòa	12	28	28	2	23	3		
16	THCS Liên Vị	16	36	36	2	30	4		
17	TH&THCS Sông Khoai	7	19	19	2	13	4		
18	TH&THCS Hoàng Tân	8	21	21	2	15	4		
19	TH&THCS Cẩm La	8	21	21	2	15	4		
20	TH&THCS Tiền Phong	4	13	13	2	8	3		
	Cộng	247	585	493	40	376	77	92	

**GIAO SỔ LƯƠNG NGƯỜI LÀM VIỆC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2024
CẤP TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 778 - QĐ/TU ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy)

STT	Đơn vị	Số lớp 2023- 2024	Số người làm việc giao năm 2024						Ghi chú
			Tổng cộng	Số người làm việc hưởng lương NSNN				Số người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp	
				Tổng	CBQL	Giáo viên	Nhân viên		
1	TH Ngô Quyền	20	36	36	2	31	3		
3	TH Yên Giang	14	27	27	2	22	3		
4	TH Hiệp Hòa	30	53	53	3	46	4		
5	TH Sông Khoai 1	20	35	35	2	31	2		
2	TH Nguyễn Bình	18	33	33	2	28	3		
6	TH Nguyễn Văn Thuận	19	34	34	2	29	3		
7	TH Đông Mai	24	43	43	3	37	3		
8	TH Minh Thành	34	59	59	3	52	4		
9	TH Tiền An	20	36	36	2	31	3		
11	TH Hà An	20	36	36	2	31	3		
10	TH Tân An	15	28	28	2	24	2		
12	TH Nam Hòa	16	29	29	2	24	3		
13	TH Yên Hải	17	32	32	2	27	3		
14	TH Phong Cốc	18	32	32	2	27	3		
15	TH Phong Hải	19	35	35	2	30	3		
16	TH Liên Hòa	20	36	36	2	31	3		
17	TH Liên Vị	26	45	45	2	40	3		
18	TH&THCS Sông Khoai	10	16	16	1	15			
19	TH&THCS Hoàng Tân	11	19	19	1	18			
20	TH&THCS Cẩm La	14	22	22	1	21			
21	TH&THCS Tiền Phong	6	11	11	1	10			
	Cộng	391	697	697	41	605	51		

**GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2024
CẤP HỌC MẦM NON**

(Kèm theo Quyết định số 778 - QĐ/TU ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy)

STT	Đơn vị	Số lớp 2023- 2024	Số người làm việc giao năm 2024						Ghi chú
			Tổng cộng	Số người làm việc hưởng lương NSNN				Số người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp	
				Tổng	CBQL	Giáo viên	Nhân viên		
1	MN Hoa Hồng	20	48	37	3	32	2	11	
2	MN Yên Giang	9	22	18	3	13	2	4	
3	MN Hiệp Hoà	21	48	48	3	43	2		
4	MN Sông Khoai	22	51	51	3	46	2		
5	MN Cộng Hoà	17	36	30	3	25	2	6	
6	MN Đông Mai	18	39	32	3	27	2	7	
7	MN Minh Thành	18	42	34	3	29	2	8	
8	MN Tiền An	13	30	30	3	26	1		
9	MN Hà An	15	39	30	3	25	2	9	
10	MN Tân An	12	29	23	3	18	2	6	
11	MN Hoàng Tân	11	26	26	3	21	2		
12	MN Nam Hòa	11	25	21	3	16	2	4	
13	MN Yên Hải	13	31	25	3	20	2	6	
14	MN Cẩm La	11	26	26	3	21	2		
15	MN Phong Cốc	13	34	27	3	22	2	7	
16	MN Phong Hải	13	34	27	3	22	2	7	
17	MN Liên Hoà	15	34	34	3	29	2		
18	MN Liên Vị	14	33	33	3	28	2		
19	MN Tiền Phong	6	12	12	2	9	1		
	Cộng	272	639	564	56	472	36	75	



**BIỂU TỔNG HỢP GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 778 - QĐ/TU ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy)

STT	Đơn vị	Số lớp 2023-2024	Số người làm việc giao năm 2024						Ghi chú
			Tổng cộng	Số người làm việc hưởng lương NSNN				Số người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp	
				Tổng	CBQL	Giáo viên	Nhân viên		
1	Cấp học Mầm non	272	639	564	56	472	36	75	
2	Cấp học Tiểu học	391	697	697	41	605	51	0	
3	Cấp học THCS	247	585	493	40	376	77	92	
	Cộng	910	1921	1754	137	1453	164	167	